

Phần Thứ Hai Mười Bốn: XỬ CỦA PHÁP CÓ ĐỐI, KHÔNG ĐỐI

Pháp có đối, pháp không đối:

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì dứt trừ ý chấp về ngã nhân và thể hiện đại diện trí, dứt trừ ý chấp về ngã nhân. Đây là pháp có đối, pháp không đối, chẳng phải là ngã.

Thể hiện đại diện trí: Nếu có người thực hành trí, thành tựu trí, thì người ấy sẽ dùng hai luận chứng này mà biết được tất cả pháp, nghĩa là hai quan điểm này gồm thấu tất cả pháp, đầy đủ tất cả pháp. Đây gọi là nhằm dứt trừ ý chấp về ngã nhân và nhằm thể hiện đại diện trí, nên soạn ra phần luận này.

Pháp có đối, không đối:

Hỏi: Thế nào là pháp có đối?

Đáp: Là mười nhập.

Hỏi: Thế nào là pháp không đối?

Đáp: Là hai nhập.

Hỏi: Vì sao nói pháp có đối, không đối?

Đáp: Có đối nói ba thứ:

1. Chướng ngại, có đối.
2. Giới, có đối.
3. Duyên, có đối.

Chướng ngại có đối: Như tay có sự chướng ngại nhau của tay, tay và chướng ngại bên ngoài chướng ngại nhau, chướng ngại bên ngoài và chướng ngại bên ngoài ngăn ngại nhau, chướng ngại bên ngoài và tay chướng ngại nhau.

Giới có đối: Như nhãn giới có chướng ngại. Như thế, cho đến ý pháp giới có chướng ngại.

Duyên có đối: Như ý thức tương ứng với tất cả pháp bị ngăn ngại.

Kinh của Bà-tu-mật nói: Nhân nơi mắt, sắc bị chướng ngại, nhân nơi sắc, mắt cũng bị chướng ngại, cho đến nhân nơi ý, pháp cũng bị chướng ngại.

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Toàn bộ giới, ấy là chướng ngại, đó là ba thứ có đối. Trong ba thứ có đối, ở đây nhân nơi giới có đối để soạn ra phần luận, chẳng phải có đối khác.

Hoặc nói: Chướng ngại lớn, có công năng xả bỏ là có đối, không phải chướng ngại lớn, chẳng xả bỏ là không đối.

Hoặc nói: Thô có thể thấy, có thể hiện bày là có đối. Vì thế, không

thể thấy, không thể chỉ bày là không đối.

Hoặc nói: Có gieo trồng, sinh trưởng là có đối.

Gieo trồng bên trong: Nghĩa là khi tinh gieo vào thai mẹ. Sinh là khi tinh huyết kia dần dần, dày lên. Trưởng là khi tượng hình thành thịt.

Gieo trồng bên ngoài là gì? Như gieo hạt giống xuống đất. Sinh là lên mầm non, cây con. Trưởng (lớn) là khi ra hoa, kết quả. Đó gọi là nghĩa gieo trồng. Sinh trưởng là có đối. Nếu không gieo trồng, không sinh trưởng là không có đối.

Hoặc nói: Có thể biết trụ ở đây, trụ ở kia là có đối, không thể biết trụ ở đây trụ ở kia là không đối.

Hoặc nói: Nhân nơi bốn đại tạo ra tất cả sắc là có đối, không nhờ bốn đại, chẳng phải tất cả sắc được tạo ra là không đối.

Hoặc nói: Tất cả nơi chốn, phương, chỗ nêu bày nơi phương, các thứ hiện có của hạn lượng, chỗ nêu bày nơi hạn lượng có đối, chẳng phải các thứ hiện có của phương, chẳng phải là chỗ nêu bày nơi phương, không phải là các thứ hiện có của hạn lượng, chẳng phải là chỗ nêu bày nơi hạn lượng là không có đối.

Hoặc nói: Có thể biết về sự dài, ngắn là có đối, chẳng thể biết về dài, ngắn là không đối.

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Vì sao nói có đối, không đối? Đáp: Vì chướng ngại lớn là có đối, không phải chướng ngại lớn là không đối.

Lại nói: Có thể xả bỏ là có đối, không thể xả bỏ là không đối.

Lại nói: Gọi chướng ngại lớn: tức là có thể xả bỏ, nói có thể xả bỏ, tức là có đối. Phần khác là không đối.

Lại nói: Cực vị nhóm hợp là có đối.

Lại nói: Ấm là có đối.

Lại nói: Che phủ hư không là có đối.

Lại nói: Cực vi hợp lại, tức là ấm, ấm là che phủ hư không, che phủ hư không tức là có đối. Trái lại là không đối.

Hỏi: Nhập nào gây chướng ngại cho nhập nào?

Đáp: Có thuyết nói: Năm nhập gây chướng ngại cho thân nhập bên trong, bên ngoài là sắc, hương, vị, xúc, các nhập khác không thể xúc chạm.

Lại có thuyết nói: Chín nhập chướng ngại, trừ nhãn nhập.

Nói như thế, nghĩa là tất cả mười nhập đều gây chướng ngại.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì như tay và tay chướng ngại nhau. Như thế, nếu lấy tay che

mất lại là không phải chướng ngại chằng? Cho nên, tất cả mười nhập đều chướng ngại. Nghĩa là khi tay và tay chướng ngại nhau, bấy giờ, năm ngón với năm ngón tạo chướng ngại nhau. Lúc tay chướng ngại với sự việc bên ngoài, bấy giờ có năm chướng ngại. Khi bốn việc bên ngoài và việc bên ngoài chướng ngại nhau, bấy giờ bốn việc và bốn việc chướng ngại nhau. Lúc việc bên ngoài chướng ngại tay, bấy giờ bốn chướng ngại ngoài với tay là năm.

Nói rộng về xứ của pháp có đối, không có đối xong.
